TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 THÀNH PHỐ H

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 373 /2019/DS-ST
Ngày 18-9-2019
V/v tranh chấp về nợ hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:
-Ông Huỳnh Ngọc Thông
- Bà Trần Thị Thanh Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Quỳnh Mai - cán bộ Tòa án nhân dân Quận 10.

Ngày 18 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2019/TLST-DS ngày 20 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp về nợ hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2019/QĐXXST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 103/2019/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn : Ông Trần Đình T, sinh năm 1961
Địa chỉ thường trú: số 222/5 Sư Vạn Hạnh, Phường A, Quận E, Thành phố H.
Địa chỉ liên lạc: 127 lô Y chung cư Ngô Gia Tự, Phường A, Quận E, Thành phố H.

Bị đơn: Bà Phạm Mỹ A, sinh năm 1985
Địa chỉ: số 201 lô U chung cư Ngô Gia Tự, Phường A, Quận E, Thành phố H.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ông Hoàng Hữu Đ, sinh năm 1975
Địa chỉ: số 201 lô U chung cư Ngô Gia Tự, Phường A, Quận E, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/3/2019 nguyên đơn – Ông Trần Đình T trình bày:

Ngày 30/12/2017 và ngày 06/3/2018 Bà Phạm Mỹ A nhờ ông chơi dùm mấy phần hụi để lấy vốn làm ăn, do lúc đó ông đang thuê nhà bà Mỹ A để ở, thấy bà Mỹ A đàng hoàng nên đã chơi dùm hụi và hốt ra đưa cho bà Mỹ A số tiền tổng cộng là 108.300.000 đồng. Nhưng sau khi nhận tiền đến tháng đóng trả hụi bà Mỹ A cứ hẹn hoài không trả và đến ngày 20/7/2018 bà Mỹ A bỏ trốn khỏi nơi cư trú. Nay ông yêu cầu Tòa án buộc bị đơn phải trả cho ông tổng số tiền 117.000.000 đồng (trong đó nợ gốc 108.300.000 đồng và tiền lãi 8.700.000 đồng).

Ngày 30/7/2019 nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và ông Hoàng Hữu Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho ông số tiền 108.300.000 đồng, ông T không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Tại phiên tòa nguyên đơn trình bày: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và ông Hoàng Hữu Đ liên đới chịu trách nhiệm trả cho ông số tiền 108.300.000 đồng vì ông Đông là chồng của bà Mỹ A, ông T không yêu cầu tính tiền lãi suất.

Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn và ông Đông vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn yêu cầu bà Mỹ A trả số tiền 108.300.000 đồng tiền nợ trong quan hệ chơi hụi, nên có cơ sở xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là "Tranh chấp về nợ hụi" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố H theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà Mỹ A và ông Đông đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày hôm nay bà Mỹ A và ông Đông vắng mặt đến lần thứ 2 mà không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà Mỹ A và ông Đông.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy :

- Xét Giấy xác nhận mượn nợ ngày 30/12/2017; ngày 06/3/2018 và ngày 06/5/2018 có chữ ký ghi họ tên của Bà Phạm Mỹ A thể hiện bà Mỹ A có mượn nợ ông T bằng hình thức ông T chơi hụi dùm hốt tiền hụi đưa cho bà Mỹ A tổng số tiền là 108.300.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu ba trăm ngàn đồng); vì vậy, có cơ sở xác định bà A có nợ của ông T số tiền 108.300.000 đồng và bị đơn chưa trả bất cứ khoản tiền nào cho nguyên đơn. Tuy nhiên, trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bà Mỹ A, ông Đông vắng mặt chứng tỏ bà Mỹ A, ông Đông đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 5 Điều 70 và Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự; do đó Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để giải quyết vụ án.

Xét, khoản tiền bị đơn nợ của ông T đã quá thời hạn mà các bên thỏa thuận, ông T cũng đã nhiều lần yêu cầu phía bị đơn trả nợ nhưng phía bị đơn cố tình trốn tránh và kéo dài thời gian trả nợ, không liên lạc được. Từ những phân tích nêu trên, căn cứ

khoản 1 Điều 466 và Điều 471 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền là 108.300.000 đồng là có cơ sở.

Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án tính tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xét về tiền lãi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc ông Hoàng Hữu Đ liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cùng với bà Mỹ A vì ông Đông là chồng của bà Mỹ A; Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ vào Giấy xác nhận mượn nợ ngày 30/12/2017; ngày 06/3/2018 và ngày 06/5/2018 không thể hiện có chữ ký, chữ viết nhận tiền nợ của ông Đông; việc chơi hụi và nhận số tiền nợ nêu trên giữa bị đơn với ông T không được ông Đông thừa nhận là bà Mỹ A dùng số tiền này để tiêu dùng, sử dụng sinh hoạt, chung cho vợ chồng ông Đông và bà Mỹ A. Mặt khác, nguyên đơn không cung cấp cho Tòa án giấy tờ gì có giá trị pháp lý chứng minh bà Mỹ A và ông Đông là vợ chồng hợp pháp. Do đó, Hội đồng xét xử không có cơ sở buộc ông Đông phải liên đới trả nợ cho nguyên đơn. Vì vậy, yêu cầu này của nguyên đơn không được chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 466, Điều 471, Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008; Luật sửa đổi, bổ sung một điều của Luật Thi hành án dân sự số 64/2014/QH13 ngày 25/11/2014.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Buộc Bà Phạm Mỹ A phải trả cho Ông Trần Đình T số tiền 108.300.000 đồng (một trăm lẻ tám triệu ba trăm ngàn đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận yêu cầu buộc ông Hoàng Hữu Đ phải liên đới với Bà Phạm Mỹ A chịu trách nhiệm trả nợ cho Ông Trần Đình T.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền trên, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Mỹ A phải chịu án phí là 5.415.000 (Năm triệu bốn trăm mười lăm ngàn đồng).

Ông Trần Đình T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ông Trần Đình T số tiền 2.925.000 đồng (Hai triệu chín trăm hai mươi lăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0017080 ngày 13/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố H.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về thời hạn kháng cáo: Ông Trần Đình T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Phạm Mỹ A và ông Hoàng Hữu Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q.10;
- Chi cục THADS Q.10;
- Đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Thị Minh Tú